UBND TỈNH HÀ TĨNH
CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 143 /TTr-CTCN.TCKT

Hà Tĩnh, ngày 25 tháng 3 năm 2026

TỜ TRÌNH
V/v: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán và phân phối lợi nhuận năm 2025

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020.

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cấp nước Hà Tĩnh được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội cổ đông lần thứ nhất ngày 21 tháng 5 năm 2015 và sửa đổi bổ sung năm 2016, năm 2017, năm 2018, năm 2021, năm 2023.

1. Hội đồng quản trị Công ty CP Cấp nước Hà Tĩnh kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và định giá quốc tế. Báo cáo tài chính năm 2025 đã được đăng tải trên Website: http://capnuochatinh.vn, bao gồm:

- Báo cáo kiểm toán độc lập;
- Báo cáo của Ban giám đốc;
- Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2025;
- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

(Kèm theo báo cáo tóm tắt một số chỉ tiêu báo cáo tài chính năm 2025)

2. Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phân phối lợi nhuận:

- Kết quả kinh doanh năm 2025:

Tổng số lãi:		14.889,9 triệu đồng
Trong đó:	+ Sản xuất nước sạch:	10.277,0 triệu đồng;
	+ Các hoạt động khác:	4.612,9 triệu đồng;
+ Thuế TNDN phải nộp:		2.983,0 triệu đồng;
+ Lợi nhuận sau thuế TNDN:		11.906,9 triệu đồng;

- Phân phối lợi nhuận:

DỰ KIẾN PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2025

TT	Nội dung	Dự kiến phân phối	Ghi chú
1	Lợi nhuận sau thuế	11.906,9	
2	Quỹ lương người lao động	56.593,3	
3	Quỹ lương VCQL	959,2	
4	Quỹ khen thưởng phúc lợi	11.748,2	Tổng quỹ lương 56.593,3/12T * 3T = 14.148,3trđ.
5	Quỹ thưởng VCQL	159,9	Quỹ lương VCQL 959,2/12T*2T= 158,7trđ
6	Chia cổ tức	0	

Phần lợi nhuận sau khi nộp thuế TNDN chỉ đủ trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi, nên chưa có để trích lập các quỹ khác của công ty và chi trả cổ tức cho các cổ đông. Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu: VP, HSĐH.

CHỦ TỊCH HĐQT

M.S.D.N: 3000101973 C.T.C.P CÔNG TY CP CẤP NƯỚC HÀ TĨNH P.HÁ HUY TẬP - T.HÀ TĨNH

Nguyễn Văn Thành

BÁO CÁO TÓM TẮT MỘT SỐ CHỈ TIÊU BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Kèm theo tờ trình số: 143/TTr-CTCN ngày 25 tháng 3 năm 2026)

Căn cứ báo cáo tài chính năm 2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và định giá quốc tế ngày 20/3/2026.

1/ Các chỉ tiêu tài chính cơ bản:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
I- TÀI SẢN NGẮN HẠN	**83.491.923.002**	**107.229.246.528**
1 Tiền và các khoản tương đương tiền	54.960.994.035	35.368.997.093
2. Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	45.973.378.779
3. Các khoản phải thu ngắn hạn	16.844.656.656	8.809.356.220
4. Hàng tồn kho	10.649.070.414	14.893.275.072
5. Tài sản ngắn hạn khác	1.037.201.897	2.184.239.364
II - TÀI SẢN DÀI HẠN	**455.877.085.955**	**442.285.929.904**
1. Tài sản cố định	408.466.834.961	419.801.060.773
1.1. TSCĐ hữu hình	406.979.407.004	419.051.759.351
- Nguyên giá	1.060.308.378.733	1.049.796.518.287
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(653.328.971.729)	(630.744.758.936)
1.2. TSCĐ vô hình	1.487.427.957	749.301.422
- Nguyên giá	3.123.538.938	2.186.262.338
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	(1.636.110.981)	(1.436.960.916)
2. Tài sản dở dang dài hạn	28.993.693.117	4.480.964.468
3. Tài sản dài hạn khác	18.416.557.877	17.643.904.663
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	**539.369.008.957**	**549.515.176.432**
III - NỢ PHẢI TRẢ	**311.123.696.488**	**316.606.270.055**
1. Nợ ngắn hạn	103.116.661.054	107.907.601.056
2. Nợ dài hạn	208.007.035.434	208.698.668.999
2.1. Nợ ngân hàng	25.906.979.153	26.598.612.718
2.2. Giá trị tài sản chưa tăng vốn điều lệ	182.100.056.281	182.100.056.281
IV - VỐN CHỦ SỞ HỮU	228.245.312.469	232.908.906.377
1. Vốn chủ sở hữu	204.008.930.000	204.008.930.000
1.1. Vốn góp của chủ sở hữu	204.008.930.000	204.008.930.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	12.329.528.908	12.329.528.908
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	11.906.853.561	16.570.447.469
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	**539.369.008.957**	**549.515.176.432**

2. Một số chỉ tiêu kết quả sản xuất năm 2025:

ĐVT: triệu đồng

Nội dung	Thực hiện năm 2024	Năm 2024	
		Kế hoạch	Thực hiện
1	2	3	4
1. Sản lượng sản xuất SP chủ yếu: Nước sạch (1.000 m3)	19.805,4	20.598,0	20.675,5
2. Doanh thu, thu nhập khác	186.857,9	199.175	200.043,5
3. Chi phí	166.092,9	184.675	185.153,6
4. Lợi nhuận trước thuế	20.765,0	14.500	14.889,9
Trong đó: - Nước sạch	*16.288,2*		*10.277,0*
- Hoạt động khác	*4.476,8*		*4.612,9*
5. Chi phí thuế TNDN hiện hành	4.194,6		2.983,0
6. Lợi nhuận sau thuế TNDN	16.570,4		11.906,9

3/ Thực hiện nghĩa vụ Ngân sách Nhà nước:

Chỉ tiêu	Số năm trước chuyển sang	Số phát sinh phải nộp	Số đã nộp trong năm	Số còn phải nộp
- Thuế GTGT		1.274,8	1.274,8	
- Thuế TNDN	43,1	2.983,0	2.632,2	393,9
- Thuế TNCN	197,8	354,4	317.6	234,7
- Thuế Tài nguyên	46,9	186,3	217,1	16,1
- Thuế đất, tiền thuê đất		21,8	21,8	
- Các khoản thuế khác		9,0	9,0	
- Phí BVMT đối với nước thải sinh hoạt	869,3	12.098,4	12.031,7	936
Tổng cộng	**1.157,0**	**16.927,9**	**16.504,2**	**1.580,7**